**PHỤ LỤC 01**

**Về tình hình thực hiện Kế hoạch vay, trả nợ 05 năm giai đoạn 2016-2020 của chính quyền địa phương**

*(Kèm theo Tờ trình số 142/TTr-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2021*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Thực hiện Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ Quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vay, trả nợ 05 năm giai 2016-2020, những kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, như sau:

**1.** Tình hình thực hiện kế hoạch vay, trả nợ 05 năm giai đoạn 2016-2020 của chính quyền địa phương:

- Thực hiện thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp cả giai đoạn 2016-2020 khoảng 11.715.000 triệu đồng; theo đó, tổng hạn mức vay tối đa của ngân sách địa phương trong giai đoạn này khoảng 2.343.000 triệu đồng([[1]](#footnote-1)).

- Tổng mức dư nợ vay đầu kỳ của giai đoạn 2016-2020: 522.708 triệu đồng[[2]](#footnote-2).

- Trả nợ gốc vay trong kỳ giai đoạn 2016 - 2020 *(trả nợ vay tín dụng ưu đãi chương trình kiên cố hóa kênh mương và giao thôn nông thôn cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam)*: 181.500 triệu đồng.

- Tổng mức vay trong kỳ giai đoạn 2016 - 2020 *(vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ):* 43.026 triệu đồng.

- Tổng mức dư nợ vay cuối kỳ giai đoạn 2016 - 2020: 384.234 triệu đồng.

*Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ giai đoạn 2016 - 2020 so với mức dư nợ tối đa của ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020, chiếm tỷ lệ 16,4%.*

Tính đến hết kế hoạch năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ký 03 thỏa thuận vay vốn nước ngoài của Chính phủ với Bộ Tài chính để thực hiện các dự án, chương trình. Trong giai đoạn này, cơ chế tài chính đối với vốn vay nước ngoài được thực hiện theo thỏa thuận vay; trong đó: Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) địa phương vay lại 15%, ngân sách trung ương cấp phát 85%; Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Kon Tum (ADB) địa phương vay lại 20%, ngân sách trung ương cấp phát 80%; Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra (WB) địa phương vay lại 10%, ngân sách trung ương cấp phát 80% đối với hợp phần cấp nước nông thôn. Với cơ chế tài chính của dự án, chương trình trong giai đoạn này được thực hiện theo thỏa thuận vay đã ký với Bộ Tài chính.

Mức dư nợ vay tại thời điểm cuối năm 2020, năm cuối của giai đoạn 2016-2020 của 3 chương trình, dự án là 43.026 triệu đồng. Tổng mức dư nợ vay cuối kỳ([[3]](#footnote-3)) phù hợp mức dư nợ vay bình quân tối đa hằng năm của giai đoạn 2016-2020 là 468.600 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ biểu kèm theo)*

**2.** Những kết quả đạt được:

Giai đoạn 2016 – 2020, được sự quan tâm, hỗ trợ của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương và các Nhà tài trợ trong việc bố trí kế hoạch vốn và giải ngân nguồn vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi, đã góp phần quan trọng để bổ sung nguồn lực đầu tư các cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Từ khi thực hiện Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Quản lý nợ công năm 2017, hằng năm Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch vay, trả nợ vay của ngân sách tỉnh Kon Tum, chi tiết từng khoản vay và từng dự án vay lại vốn vay nước ngoài của Chỉnh phủ, đảm bảo không vượt quá hạn mức dư nợ của ngân sách địa phương.

Các chương trình, dự án được triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch, tiến độ vốn được phân bổ, cấp phát thực tế và theo các cam kết với nhà tài trợ. Từng chương trình, dự án đã cung cấp đầy đủ các thông tin về khung điều kiện vay ODA, vay ưu đãi của nhà tài trợ, khả năng điều kiện cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi, khả năng vay nợ của chính quyền địa phương.

Về nghĩa vụ trả nợ gốc vay, từ năm 2016 cho đến nay chủ yếu trả nợ gốc vay tín dụng ưu đãi cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 181.500 triệu đồng, hằng năm tỉnh đã cân đối bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công([[4]](#footnote-4)) để thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay tín dụng ưu đãi *(vay chương trình kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn)* theo các Hợp đồng đã ký kết; Đối với khoản nợ vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, trong giai đoạn này chưa phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc, do khoản vay này mới phát sinh và đang trong thời gian ân hạn; theo thỏa thuận vay đã ký với Bộ Tài chính, gốc vay của các khoản vay này sẽ được trả từ năm 2021.

Về tình hình lập, thẩm tra và quyết định phân bổ nguồn vốn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ: Hằng năm, Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các chủ chương trình, dự án xác định nhu cầu vay lại từng dự án, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ đảm bảo đủ kế hoạch vốn vay lại tương ứng với kế hoạch vốn ODA do Ngân sách Trung ương cấp phát, theo đúng tỷ lệ vay lại của từng dự án mà Ủy ban nhân dân tỉnh đã ký Hợp đồng vay lại với Bộ Tài chính.

Bên cạnh đó, để công tác quản lý nợ chính quyền địa phương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Quản lý nợ công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan, đồng thời tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các Sở, ban ngành trong công tác quản lý nợ chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều Văn bản([[5]](#footnote-5)) chỉ đạo các đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ trong việc quản lý, sử dụng vốn vay ODA, từ đó góp phần quản lý chặt chẽ nợ chính quyền địa phương, mức dư nợ đảm bảo không vượt hạn mức dư nợ tối đa của ngân sách địa phương.

**3.** Những khó khăn, hạn chế:

Việc thực hiện cơ chế hỗn hợp một phần cấp phát, một phần cho vay lại, một phần đối ứng; theo đó việc giải ngân kế hoạch vốn ODA do Ngân sách Trung ương cấp phát, bắt buộc phải tương ứng kế hoạch vốn vay lại của địa phương theo tỷ lệ vay lại đã được quy định, vì vậy trong quá trình thực hiện ảnh hưởng đến việc giải ngân nguồn vốn này.

Mặt khác, hằng năm khi xây dựng kế hoạch vay lại của địa phương, Trung ương vẫn chưa có thông báo cụ thể kế hoạch vốn ODA do Ngân sách Trung ương cấp phát, nên các chủ đầu tư đăng ký kế hoạch vay lại để đối ứng thường cao hơn số thực hiện hằng năm. Năng lực quản lý, tổ chức thực hiện dự án chưa đáp ứng yêu cầu, một số chủ đầu tư, ban quản lý dự án còn bị động, lúng túng trong quá trình chuẩn bị đầu tư cũng như thực hiện dự án. Thời gian từ lúc đăng ký Đề xuất dự án sử dụng vốn ODA đến khi được bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn tương đối dài, ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch vốn vay lại của dự án([[6]](#footnote-6)).

Đối với kế hoạch vốn *(vay lại của Chính phủ, trung ương cấp phát)* thực hiện chương trình, dự án được Trung ương thông báo chuyển trực tiếp vào tài khoản tiền gửi của chủ chương trình, dự án mở tại Ngân hàng phục vụ hoặc Kho bạc nhà nước tỉnh và chỉ được phản ánh vào ngân sách nhà nước qua hình thức ghi thu, ghi chi; từ đó, công tác theo dõi nguồn vốn của các Dự án này gặp nhiều khó khăn; dẫn đến bị động trong việc đối chiếu, tổng hợp báo cáo định kỳ với Bộ Tài chính.

**4.** Một số nguyên nhân:

Quy trình, thủ tục quản lý các dự án sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi còn phức tạp và không đồng bộ, có sự khác biệt giữa các nhà tài trợ và giữa quy định trong nước với chính sách của nhà tài trợ, cơ chế tài chính khác nhau; các quy định quản lý nhà nước về vốn ODA hiện nay đang từng bước hoàn thiện, chưa đồng bộ và thường thay đổi nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của các dự án([[7]](#footnote-7)).

Do giai đoạn 2016 - 2020 chưa có quy định xây dựng kế hoạch vay, trả nợ ngân sách tỉnh 05 năm, nên tỉnh còn bị động trong việc xây dựng kế hoạch vay và trả nợ hằng năm, các chủ đầu tư còn bị động trong việc đăng ký kế hoạch vay lại theo tỷ lệ vay lại quy định, để đảm bảo tương ứng với kế hoạch vốn ODA do Ngân sách Trung ương cấp phát của các dự án.

**5.** Bài học kinh nghiệm:

Các Sở, ngành liên quan, các chủ đầu tư, ban quản lý dự án thường xuyên nghiên cứu, cập nhật kịp thời các quy định về quản lý các dự án sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi để triển khai, quản lý dự án một cách hiệu quả. Hằng năm, các chủ đầu tư, ban quản lý dự án rà soát, đánh giá tiến độ triển khai cũng như các yếu tố tác động để dự báo, xây dựng kế hoạch vay và trả nợ vay hàng năm phù hợp với phù hợp với hạn mức vay của Chính phủ, khả năng trả nợ vay của ngân sách địa phương.

Công tác quản lý nợ chính quyền địa phương cần tuân thủ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Quản lý nợ công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan, đồng thời tăng cường trách nhiệm của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ban ngành có liên quan và các chủ đầu tư trong công tác quản lý, lập kế hoạch vay, trả nợ 05 năm và hàng năm.

**\*Đánh giá chung**

Kể từ khi Luật Quản lý nợ công được Quốc hội ban hành và có hiệu lực thi hành *(từ ngày 01 tháng 8 năm 2018),* việc thực hiện kế hoạch vay, trả nợ chính quyền địa phương đã góp phần huy động nguồn lực quan trọng cho đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện thành công kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm. Hầu hết vốn vay được sử dụng trực tiếp cho các dự án đầu tư phát triển để thực hiện chương trình, dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định. Thực hiện thanh toán trả nợ gốc vay, lãi vay đầy đủ, đúng hạn, đảm bảo nghĩa vụ nợ đã cam kết với Bộ Tài chính. Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật Quản lý nợ công[[8]](#footnote-8) như Nghị định của Chính phủ, các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính đã kịp thời được ban hành, góp phần tạo hành lang pháp lý trong công tác quản lý nhà nước về nợ chính quyền địa phương.

1. Theo đó, mức dư nợ vay bình quân hằng năm của giai đoạn 2016-2020 tối đa khoảng 468.600 triệu đồng [↑](#footnote-ref-1)
2. Tổng mức dư nợ vay đầu kỳ của giai đoạn 2016-2020 chủ yếu là số dư nợ vay tín dụng ưu đãi vay Ngân hàng phát triển Việt Nam để thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, khoảng 479.682 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-2)
3. Bao gồm cả dư nợ vay tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn. [↑](#footnote-ref-3)
4. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 59 (nguồn tăng thu, tiết kiệm chi), Khoản 1 Điều 72 Luật NSNN *(nguồn kết dư ngân sách cấp tỉnh)*; Điều 12 Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương. [↑](#footnote-ref-4)
5. Tại Văn bản số 3593/UBND-KTTH ngày 23 tháng 9 năm 2020, Văn bản số 3440/UBND-KTTH ngày 11 tháng 9 năm 2020, Văn bản số 2680/UBND-KTTH ngày 15 tháng 10 năm 2019. [↑](#footnote-ref-5)
6. Thường từ 2 đến 3 năm [↑](#footnote-ref-6)
7. Giai đoạn 2016-2020, Nghị định về quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài đã 3 lần điều chỉnh bao gồm Nghị định 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016, Nghị định 132/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2018; Nghị định 56/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020. [↑](#footnote-ref-7)
8. Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018, Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018; Thông tư số 80/2018/TT-BTC ngày 28/8/2018; Thông tư số 48/2021/TT-BTC ngày 28/6/2021. [↑](#footnote-ref-8)